

Tổng hợp thị trường tuần

Số liệu cập nhật đến 23/10/2026



Shinhan
Securities

NHÓM BẤT ĐỘNG SẢN DẪN DẮT ĐÀ TĂNG

Chiến lược tuần

Tiêu điểm tuần

- Ngay sau khi ban hành Văn bản số 608 ngày 18/10, NHNN sáng nay 19/10 đã họp với các tổ chức tín dụng, yêu cầu giảm tối thiểu 0.5%/năm lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 6 tháng trở lên, đồng thời giảm 1.5-2%/năm lãi suất cho vay đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và lĩnh vực ưu tiên, gắn với yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống.
- Dự án Luật Đấu giá tài sản (sửa đổi) vừa được trình Quốc hội sáng 19/10, trong đó đề xuất nâng mức tiền đặt trước tối thiểu khi đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất ở cho cá nhân từ 10% lên 20% giá khởi điểm, giữ nguyên mức tối đa 50%.
- VinFast (VFS) báo doanh thu quý II vượt 30,000 tỷ đồng, lượng ô tô bàn giao tăng vọt 96%.

DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN

Tên chỉ số	Giá đóng cửa	% thay đổi				Vốn hóa (tỷ USD)
		1W	1M	3M	YTD	
VN-Index	1,774.0	+3.9%	-1.6%	+4.3%	-0.7%	328.7
Upcom Index	126.3	+1.1%	+0.2%	+0.6%	+4.4%	26.0
HNX Index	262.7	+1.4%	-5.0%	-6.5%	+5.6%	15.9
VN30 Index	1,907.2	+2.7%	-2.6%	+3.2%	-6.2%	249.8
S&P 500 Index	n/a	+0.1%	-0.6%	+3.4%	+11.9%	68,510.1
STOXX Europe 600 Index	635.5	-1.4%	-0.6%	-0.5%	+7.4%	18,108.1
Hang Seng	23,125.0	-4.4%	-6.9%	-8.2%	-9.7%	3,527.5
Nikkei 225	62,693.2	-4.0%	-3.6%	-5.6%	+24.5%	6,510.3
SHCOMP Index	3,690.5	-0.7%	-6.3%	-4.8%	-7.0%	8,827.0
STI Index	5,416.6	-0.1%	-5.3%	-3.1%	+16.4%	617.3
KOSPI Index	5,550.3	-2.1%	-21.6%	-21.8%	+31.7%	3,325.5

Nguồn: Bloomberg.

THANH KHOẢN TOÀN THỊ TRƯỜNG TRUNG BÌNH — THEO NHÓM VỐN HÓA

Giá trị giao dịch trung bình tuần

TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC	% THAY ĐỔI SO VỚI TUẦN TRƯỚC
12,534.5	11,757.8	+6.6%
tỷ VND	tỷ VND	giá trị giao dịch trung bình

Nhóm vốn hóa	% thay đổi giá				% thay đổi giá trị giao dịch				Tỷ trọng giá trị giao dịch (%)	Định giá		Vốn hóa (tỷ VND)
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD		P/E	P/B	
Vốn hóa lớn Large Cap	+4.2%	-0.3%	+9.2%	+0.3%	+3.8%	+1.7%	-10.3%	-37.1%	85.1	15.6x	2.4x	7,964,001.9
Vốn hóa trung bình Mid Cap	+2.4%	-0.7%	+0.3%	-13.1%	+27.6%	+17.1%	+18.2%	-25.5%	14.3	9.6x	1.1x	525,359.2
Vốn hóa nhỏ Small Cap	+0.7%	-0.4%	-1.6%	-19.5%	+1.5%	-9.7%	-11.3%	-36.3%	0.6	10.2x	0.6x	72,079.9

ĐÓNG GÓP VÀO VN-INDEX

TOP 10 NÂNG ĐỠ			TOP 10 KÉO GIẢM		
VIC		+2.1 (+9.9%)	VPB		-0.0 (-1.6%)
VHM		+0.3 (+5.4%)	HDB		-0.0 (-1.5%)
VPL		+0.2 (+8.6%)	BVH		-0.0 (-4.3%)
STB		+0.1 (+9.1%)	FPT		-0.0 (-1.7%)
LPB		+0.1 (+9.2%)	SBT		-0.0 (-7.5%)
TCB		+0.1 (+3.0%)	SJS		-0.0 (-4.9%)
TCX		+0.1 (+6.5%)	PNJ		-0.0 (-6.9%)
VRE		+0.1 (+9.6%)	STG		-0.0 (-18.0%)
GAS		+0.1 (+2.8%)	VNM		-0.0 (-0.3%)
GEE		+0.1 (+10.2%)	PGV		-0.0 (-1.5%)

Đóng góp (điểm phần trăm) = tỷ trọng vốn hóa trong VN-Index × % thay đổi vốn hóa của cổ phiếu từ 16/10/2026 đến 23/10/2026; số trong ngoặc là % thay đổi vốn hóa của cổ phiếu trong cùng kỳ.
 Nguồn: Bloomberg.

DIỄN BIẾN VN-INDEX VÀ P/E — 1 NĂM GẦN NHẤT



Nguồn: Bloomberg.

GÓC NHÌN THỊ TRƯỜNG

ĐÁNH GIÁ Thị trường phản ứng tích cực dẫn dắt bởi nhóm bất động sản trước thông tin hạ lãi suất của NHNN. Chúng tôi đánh giá tin tức trên chỉ mang yếu tố là chất xúc tác ngắn hạn và nhịp tăng này vẫn chưa thể xác định là thị trường đã vào uptrend. Thị trường vẫn cho thấy sự thận trọng dù mùa KQKD Q3 đang diễn ra.
GÓC NHÌN KỸ THUẬT Thị trường kết tuần tại 1,774.1 điểm (+68 điểm, +4%) trên đồ thị tuần với thanh khoản cải thiện đáng kể. Thị trường tăng mạnh dẫn dắt chủ yếu bởi nhóm VIC VHM VPL. Nhìn chung hầu hết các nhóm ngành đều tăng và đà lan tỏa cải thiện. Chỉ số đang tiệm cận MA 50 và kỳ vọng sẽ hướng về vùng 1,800 – 1,840, tuy nhiên áp lực chốt lời ngắn hạn sẽ xuất hiện đặc biệt thị trường đã tăng 3 phiên liên tiếp. Hỗ trợ và kháng cự tương ứng là 1,660 – 1,800.
Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ Nhà đầu tư chỉ nên nhìn chỉ số chung với ý nghĩa tham chiếu khi thị trường bị chi phối mạnh bởi nhóm Vingroup. Trong ngắn hạn vẫn nên thận trọng, tuy nhiên vẫn có cơ hội tại nhiều nhóm đang hút tiền như: Xuất khẩu, Bất động sản, BDS KCN và Bán lẻ. Nhà đầu tư ngại rủi ro thì nên ưu tiên nhóm beta thấp, chi trả cổ tức cao, nợ vay thấp.

Diễn biến nhóm ngành

TĂNG MẠNH NHẤT (1W) +8.4% Bất động sản	GIẢM MẠNH NHẤT (1W) -4.1% Bảo hiểm	TỶ TRỌNG GIAO DỊCH LỚN NHẤT 30.1% Ngân hàng
---	---	--

% THAY ĐỔI GIÁ 1W THEO NGÀNH

Bất động sản		+8.4%
Du lịch và Giải trí		+4.5%
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp		+4.4%
Tài chính		+3.9%
Bán lẻ		+3.2%
Xây dựng và vật liệu		+3.1%
Ô tô & Phụ tùng		+3.0%
Dầu khí		+2.7%
Hóa chất		+2.2%
Tiện ích		+2.0%
Ngân hàng		+1.9%
Tài nguyên cơ bản		+1.8%
Thực phẩm và đồ uống		+1.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng		+0.1%
Dược và Y tế		-0.9%
Công nghệ Thông tin		-1.5%
Bảo hiểm		-4.1%

Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

% THAY ĐỔI GIÁ TRỊ GIAO DỊCH 1W THEO NGÀNH

Du lịch và Giải trí		+35.8%
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp		+35.1%
Xây dựng và vật liệu		+33.8%
Ô tô & Phụ tùng		+32.7%
Tài chính		+29.5%
Dược và Y tế		+22.8%
Bảo hiểm		+19.4%
Thực phẩm và đồ uống		+10.7%
Hàng cá nhân & Gia dụng		+8.3%
Bất động sản		+6.6%
Tài nguyên cơ bản		+4.3%
Ngân hàng		-1.8%
Công nghệ Thông tin		-7.0%
Hóa chất		-8.9%
Bán lẻ		-9.1%
Tiện ích		-12.6%
Dầu khí		-24.0%

Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

DIỄN BIẾN 19 NGÀNH ICB CẤP 2

Tên ngành	% thay đổi giá			% thay đổi giá trị giao dịch			Tỷ trọng giá trị giao dịch (%)	Vốn hóa (tỷ VND)
	1M	3M	YTD	1M	3M	YTD		
Bất động sản	0.0%	+7.4%	+1.1%	+7.3%	-18.4%	-31.6%	18.1	2,703,336.0
Du lịch và Giải trí	+3.3%	+7.3%	-13.8%	+33.8%	+6.6%	-18.2%	2.0	325,173.0
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	+0.9%	+11.9%	-15.6%	+12.4%	+13.0%	-17.0%	7.6	223,053.0
Tài chính	-2.1%	0.0%	-9.2%	+28.3%	-4.5%	-37.2%	12.9	443,479.6
Bán lẻ	+3.7%	+24.3%	-6.6%	-34.1%	-28.8%	-54.5%	2.4	162,226.1
Xây dựng và vật liệu	+3.2%	+4.8%	-11.2%	+42.3%	+28.3%	-47.7%	3.3	126,911.5
Ô tô & Phụ tùng	-3.2%	-5.4%	-3.6%	+32.6%	+20.8%	-30.9%	0.3	16,681.7
Dầu khí	-2.3%	+18.0%	+45.6%	-28.8%	-25.8%	-51.7%	3.2	209,197.7
Hóa chất	-2.0%	+15.6%	+7.0%	-31.9%	-30.1%	-66.4%	1.9	203,802.1
Tiện ích	-1.8%	+8.5%	+0.6%	-17.3%	-28.2%	-62.0%	1.3	327,759.9
Ngân hàng	-0.1%	+6.6%	+0.9%	+3.4%	-0.7%	-28.7%	30.1	2,588,597.2
Tài nguyên cơ bản	+3.0%	+4.5%	-9.2%	+15.1%	+4.5%	-39.1%	4.6	219,171.9
Thực phẩm và đồ uống	+0.4%	+3.5%	-11.5%	+0.3%	-0.6%	-30.0%	6.6	592,815.2
Hàng cá nhân & Gia dụng	-18.4%	-17.1%	-47.4%	-32.6%	-20.7%	-5.8%	1.9	31,183.5
Dược và Y tế	-1.4%	-1.3%	-14.4%	-10.7%	-12.3%	+7.4%	0.4	34,425.9
Công nghệ Thông tin	-11.1%	+0.2%	-33.4%	+13.4%	-12.5%	-52.8%	2.9	118,740.6
Bảo hiểm	-1.0%	+16.5%	+14.4%	-7.9%	+45.6%	+17.7%	0.6	59,351.3

Sắp xếp theo % thay đổi giá 1W. Chưa có số liệu: Truyền thông, Viễn thông. Nguồn: ICB cấp 2 — FiinPro, Bloomberg.

Định giá

P/E VÀ P/B SO SÁNH QUỐC TẾ

P/E SO SÁNH QUỐC TẾ			P/B SO SÁNH QUỐC TẾ		
VN-Index		13.4x	VN-Index		1.9x
S&P 500 Index		26.3x	S&P 500 Index		5.6x
STOXX Europe 600 Index		16.8x	STOXX Europe 600 Index		2.4x
Hang Seng		11.6x	Hang Seng		1.2x
Nikkei 225		20.0x	Nikkei 225		2.7x
SHCOMP Index		16.1x	SHCOMP Index		1.4x
KOSPI Index		10.1x	KOSPI Index		1.4x

Nguồn: Bloomberg.

DIỄN BIẾN P/E VÀ P/B CỦA VN-INDEX



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

P/E THEO NGÀNH

Bất động sản		34.2x
Du lịch và Giải trí		28.8x
Dầu khí		26.5x
Bán lẻ		19.0x
Thực phẩm và đồ uống		16.6x
Bảo hiểm		15.3x
Hóa chất		14.6x
Tài chính		14.4x
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp		13.6x
Tiện ích		13.1x
Tài nguyên cơ bản		12.2x
Công nghệ Thông tin		11.4x
Xây dựng và vật liệu		9.6x
Ngân hàng		9.3x
Dược và Y tế		6.9x
Hàng cá nhân & Gia dụng		5.5x
Ô tô & Phụ tùng		3.6x

P/B THEO NGÀNH

Du lịch và Giải trí		4.4x
Bất động sản		3.7x
Bán lẻ		3.5x
Thực phẩm và đồ uống		3.0x
Công nghệ Thông tin		2.4x
Dầu khí		2.4x
Tiện ích		2.0x
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp		1.9x
Dược và Y tế		1.9x
Bảo hiểm		1.8x
Hóa chất		1.7x
Tài chính		1.6x
Ngân hàng		1.5x
Xây dựng và vật liệu		1.3x
Tài nguyên cơ bản		1.3x
Ô tô & Phụ tùng		0.9x
Hàng cá nhân & Gia dụng		0.8x

Sắp xếp từ cao đến thấp. Chưa có số liệu: Truyền thông, Viễn thông. Nguồn: ICB cấp 2 — FinPro, Bloomberg.

Dòng vốn ngoại

KHỐI NGOẠI MUA 8,220.8 tỷ VND	KHỐI NGOẠI BÁN 8,709.4 tỷ VND	KHỐI NGOẠI RÒNG -491.0 tỷ VND	TỰ DOANH RÒNG +125.0 tỷ VND
--	--	--	--

Lưu ý: dữ liệu chưa bao gồm phiên thứ 6.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI — TOP MUA/BÁN RÒNG (TỶ VND)

TOP 10 MUA RÒNG			TOP 10 BÁN RÒNG		
TCB		+838.8	FPT		-497.3
MSN		+299.8	ACB		-376.4
VIC		+276.5	VCB		-321.9
FRT		+261.5	KDC		-221.7
HPG		+157.3	STB		-147.2
SSI		+81.1	VJC		-123.5
VIB		+68.8	MSB		-115.1
POW		+62.5	VHM		-103.5
PNJ		+56.1	DXG		-93.6
DCM		+54.2	VPB		-93.4

GIAO DỊCH TỰ DOANH — TOP MUA/BÁN RÒNG (TỶ VND)

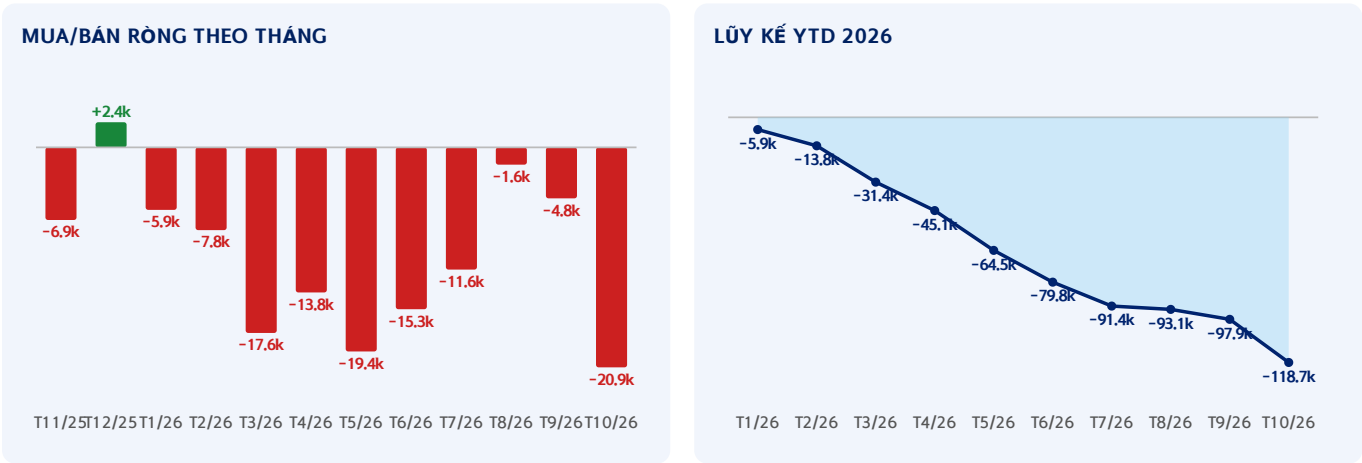
TOP 10 MUA RÒNG			TOP 10 BÁN RÒNG		
VPB		+434.6	ACB		-235.6
VJC		+286.3	FRT		-203.2
CTG		+227.9	HDB		-165.4
GAS		+60.3	MSB		-84.1
KBC		+36.6	FPT		-46.4
MSN		+25.2	HPG		-44.2
KDH		+23.7	FUEVFN30		-32.7
GMD		+21.9	VIC		-31.7
SSI		+20.3	E1VFN30		-27.1
PVT		+16.9	HVN		-24.8

MUA/BÁN RÒNG THEO NGÀNH — TỰ DOANH VÀ NƯỚC NGOÀI (TỶ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh	Khối ngoại
Bán lẻ	-208.6	+217.7
Tài nguyên Cơ bản	-39.4	+164.9
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	+57.8	+82.4
Hàng cá nhân & Gia dụng	-3.6	+57.7
Hóa chất	-6.5	+45.0
Bảo hiểm	+0.0	+43.4
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	+40.1	+9.4
Bất động sản	+25.2	+8.4
Truyền thông	+0.0	-0.0
Ô tô và phụ tùng	+0.3	-3.0
Y tế	+0.0	-6.0
Dầu khí	-4.9	-14.7
Xây dựng và Vật liệu	-3.2	-16.1
Thực phẩm và đồ uống	-18.4	-73.3
Du lịch và Giải trí	+258.8	-93.4
Dịch vụ tài chính	-34.4	-193.2
Ngân hàng	+108.2	-215.9
Công nghệ Thông tin	-46.4	-504.0
Tổng	+125.0	-491.0

Sắp xếp theo giá trị mua/bán ròng của khối ngoại. Không bao gồm giao dịch thỏa thuận. Nguồn: FiinPro, Shinhan Securities Vietnam.

DÒNG VỐN NGOẠI THEO THÁNG (TỶ VND)



Tháng 10/2026: từ 01/10/2026 đến 22/10/2026. k = nghìn tỷ VND. Nguồn: FiinPro.

TỔNG TÀI SẢN ETF	DÒNG VỐN RÒNG 1W	DÒNG VỐN RÒNG 1M	DÒNG VỐN RÒNG 3M
2,353.7	+0.5	-19.1	+29.5
triệu USD	triệu USD	triệu USD	triệu USD

DÒNG VỐN NGOẠI THEO QUỐC GIA (TRIỆU USD)

Quốc gia	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n/a	+13,045.1	+148,180.1	+166,057.9
Ấn Độ	+131.6	-4,042.4	-4,042.4	-32,303.9
Indonesia	-298.6	-696.2	-696.2	-5,361.8
Nhật Bản*	-420.8	+35,709.5	+35,709.5	+85,033.3
Malaysia	-45.0	-261.7	-261.7	-1,788.4
Hàn Quốc	-253.7	-13,396.3	-13,395.6	-140,078.3
Sri Lanka	-0.2	-2.1	-2.1	-179.5
Đài Loan	-7,594.3	-26,540.4	-26,537.4	-63,463.3
Thái Lan	+89.3	-210.3	-210.3	+603.5
Việt Nam	-19.4	-792.5	-792.5	-4,426.7

* Trung Quốc: số liệu có độ trễ 1 quý; Nhật Bản: số liệu có độ trễ 1 tuần. Nguồn: Bloomberg.

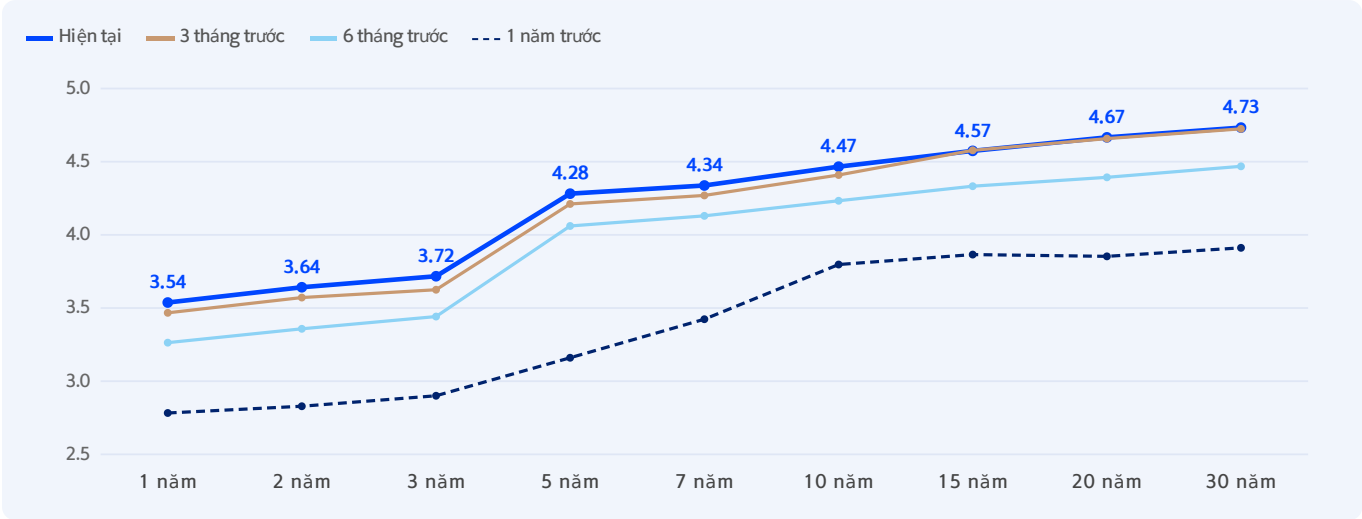
DÒNG VỐN RÒNG VÀO ETF VIỆT NAM (TRIỆU USD)

Tên ETF	Tài sản (triệu USD)	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,353.7	+0.5	-19.1	+29.5	-175.8*
Nước ngoài	1,630.5	0.0	-17.4	+25.2	n/a
VanEck Vectors Vietnam ETF	480.5	0.0	-16.2	-16.2	n/a
Fubon FTSE Vietnam ETF	332.9	0.0	0.0	-12.4	n/a
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	187.9	0.0	0.0	0.0	n/a
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	348.2	0.0	-1.2	-12.1	n/a
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	263.7	0.0	0.0	+65.9	n/a
Premia MSCI Vietnam ETF	5.1	0.0	0.0	0.0	n/a
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2.4	0.0	0.0	0.0	n/a
Asian Growth CUBS ETF	9.8	0.0	0.0	0.0	n/a
Trong nước	723.3	+0.5	-1.7	+4.3	-24.6
DCVFMVN Diamond ETF	410.7	-0.5	-7.2	-1.7	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	225.3	+1.0	+5.0	+4.0	-17.8
SSIAM VNFIN LEAD ETF	23.3	0.0	+0.3	+2.7	+3.7
MAFN VN30 ETF	20.0	0.0	+0.1	-3.3	-13.7
SSIAM VNX50 ETF	7.6	0.0	0.0	+2.0	+1.9
VinaCapital VN100 ETF	26.5	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9.8	0.0	+0.2	+0.6	+1.3

* YTD: chỉ gồm các ETF trong nước (chưa có số liệu từ đầu năm của ETF nước ngoài). Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

Số liệu vĩ mô

ĐƯỜNG CONG LÃI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ VIỆT NAM (%)



Kỳ hạn	1 năm	2 năm	3 năm	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	20 năm	30 năm
Hiện tại	3.54	3.64	3.72	4.28	4.34	4.47	4.57	4.67	4.73
Tuần trước	3.54	3.64	3.72	4.28	4.34	4.46	4.57	4.67	4.73
3 tháng trước	3.47	3.57	3.62	4.21	4.27	4.41	4.58	4.66	4.72
6 tháng trước	3.26	3.36	3.44	4.06	4.13	4.23	4.33	4.39	4.47
1 năm trước	2.78	2.83	2.90	3.16	3.42	3.80	3.87	3.85	3.91
Thay đổi so với tuần trước (điểm cơ bản)	0.0	0.0	0.0	-0.2	-0.1	+0.1	0.0	0.0	0.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

TỶ GIÁ

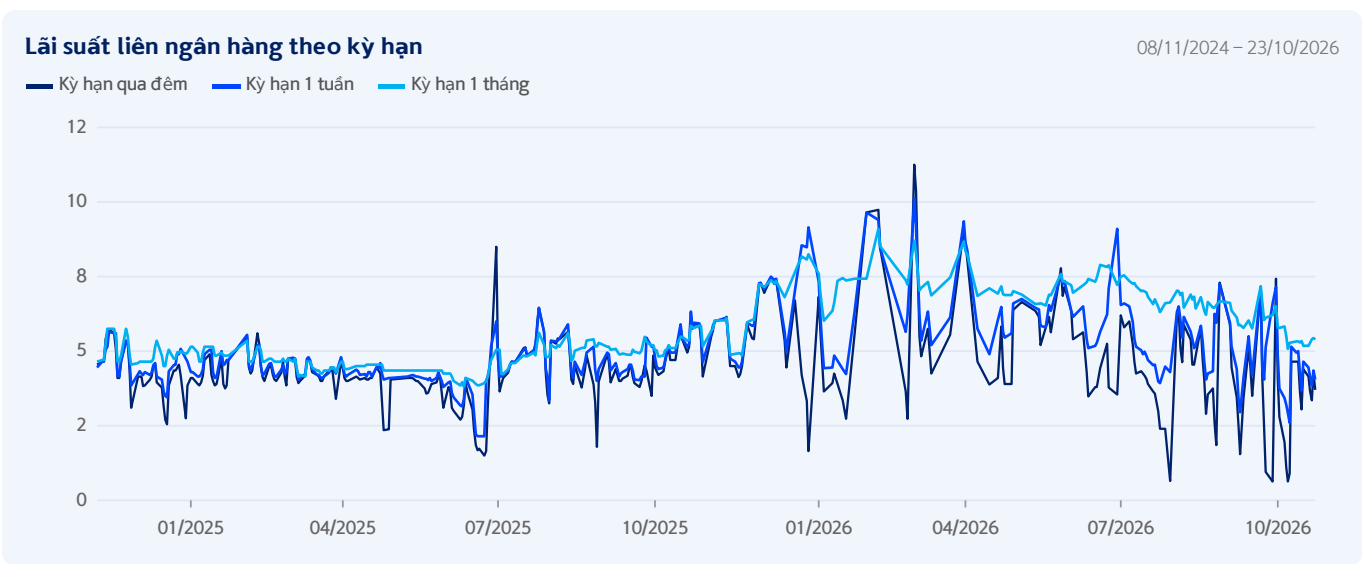
Cặp	Giá	1W	1M	3M	YTD
Chỉ số đô la Mỹ	101.8	0.0%	+0.7%	+0.3%	+3.5%
VND/USD	25,835.0	-0.2%	-0.6%	-1.8%	-1.8%
KRW/USD	1,326.2	-0.6%	-3.0%	-9.9%	-7.9%
JPY/USD	157.1	-0.6%	-0.8%	-4.1%	+0.2%
EUR/USD	0.9	+0.4%	+1.7%	+1.6%	+4.9%
SGD/USD	1.3	-0.1%	-0.1%	-1.1%	-0.5%
CNY/USD	6.7	-0.2%	-0.6%	-1.6%	-4.5%

Giá: số đơn vị ngoại tệ trên 1 USD. Nguồn: Bloomberg.

HÀNG HÓA

Mặt hàng	Giá	1W	1M	3M	YTD
Dầu thô	100.5	-0.9%	+9.0%	+9.0%	+75.0%
Xăng	318.7	-1.5%	-11.1%	-8.8%	+86.9%
Gas	2.7	-12.6%	-9.9%	-6.6%	-26.1%
Than	151.2	+1.0%	+4.0%	+15.5%	+40.6%
Vàng	4,015.2	-3.6%	-6.4%	-0.8%	-7.0%
Bạc	53.9	-5.4%	-16.3%	-6.4%	-24.8%
Platinum	1,564.7	-4.3%	-10.9%	-2.0%	-24.1%
Quặng sắt	90.7	+0.2%	-6.8%	-7.8%	-15.3%
Thép cán	3,229.0	-1.3%	-2.7%	-1.9%	-1.3%
Lúa mì	627.8	-5.0%	-11.4%	-9.8%	+23.8%
Ngô	459.5	-3.1%	-13.1%	-1.0%	+4.4%

Giá: USD (trừ khi nguồn ghi khác). n/a: Bloomberg không trả dữ liệu. Nguồn: Bloomberg.



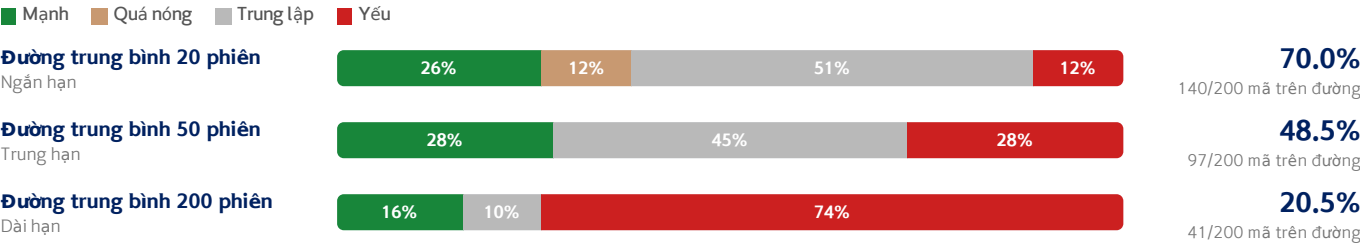
Kỳ hạn	Hiện tại (23/10)	Tuần trước (16/10)	Tháng trước (23/09)	Thay đổi so với tuần trước (điểm %)
Qua đêm	3.70	4.40	2.45	-0.70
1 tuần	4.05	4.65	4.05	-0.60
1 tháng	5.39	5.18	6.04	+0.21

Ngày so sánh là phiên gần nhất có số liệu. Nguồn: Bloomberg.

Độ rộng thị trường



TỶ LỆ CỔ PHIẾU TRÊN CÁC ĐƯỜNG TRUNG BÌNH ĐỘNG — 200 CỔ PHIẾU



Số % trong cột phải: tỷ lệ cổ phiếu có giá đóng cửa cao hơn đường trung bình. Ngưỡng xếp loại theo khoảng cách giữa giá và đường trung bình: Yếu: thấp hơn đường trung bình trên 3%; Trung lập: lệch trong khoảng ±3%; Mạnh: cao hơn từ 3% đến 8%; Quá nóng: cao hơn trên 8% (chỉ áp dụng cho đường 20 phiên). Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

XU HƯỚNG THEO NHÓM NGÀNH

NGÂN HÀNG (18)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	48.9	Trung lập	Yếu
MBB	53.7	Trung lập	Trung lập
HDB	58.4	Trung lập	Mạnh
VPB	63.9	Trung lập	Mạnh
MSB	75.7	Mạnh	Mạnh
TCB	64.6	Mạnh	Mạnh
EIB	74.1	Quá nóng	Mạnh
ACB	53.8	Trung lập	Trung lập
TPB	67.5	Mạnh	Mạnh
STB	50.9	Trung lập	Yếu
CTG	60.1	Mạnh	Trung lập
VIB	64.4	Mạnh	Mạnh
SSB	45.6	Trung lập	Yếu
VCB	47.0	Trung lập	Trung lập
NAB	60.3	Trung lập	Mạnh
OCB	73.6	Mạnh	Mạnh
BID	47.3	Trung lập	Yếu
LPB	48.4	Trung lập	Yếu

BẢO HIỂM VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH (17)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
BVH	42.2	Yếu	Trung lập
BMI	55.8	Trung lập	Trung lập
BIC	28.6	Yếu	Yếu
VIX	57.5	Mạnh	Trung lập
SSI	51.2	Trung lập	Trung lập
VND	47.2	Trung lập	Yếu
VCI	52.5	Mạnh	Yếu
HCM	49.1	Trung lập	Yếu
TCX	52.7	Mạnh	Yếu
ORS	85.6	Quá nóng	Mạnh
VDS	56.1	Mạnh	Trung lập
FTS	51.6	Mạnh	Yếu
CTS	60.5	Mạnh	Trung lập
BSI	57.8	Mạnh	Trung lập
TCI	34.1	Yếu	Yếu
TVB	43.8	Trung lập	Yếu
DSE	33.7	Yếu	Yếu

BẤT ĐỘNG SẢN (18)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
DXG	56.4	Mạnh	Trung lập
NVL	38.5	Trung lập	Yếu
DIG	60.6	Mạnh	Trung lập
VRE	60.4	Mạnh	Trung lập
PDR	67.2	Mạnh	Trung lập
VIC	58.7	Mạnh	Mạnh
KDH	66.1	Quá nóng	Trung lập
VHM	47.3	Trung lập	Yếu
TCH	64.5	Mạnh	Mạnh
KBC	68.8	Mạnh	Trung lập
HDG	54.4	Mạnh	Trung lập
HDC	71.9	Quá nóng	Mạnh
NLG	65.3	Quá nóng	Trung lập
DXS	50.9	Mạnh	Yếu
NTL	57.7	Mạnh	Trung lập
SIP	59.0	Trung lập	Trung lập
SZC	74.2	Quá nóng	Mạnh
BCM	62.1	Mạnh	Trung lập

TÀI NGUYÊN CƠ BẢN VÀ XÂY DỰNG VẬT LIỆU (16)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
HPG	56.0	Mạnh	Trung lập
NKG	77.6	Quá nóng	Mạnh
HSG	69.6	Mạnh	Mạnh
SMC	54.3	Trung lập	Trung lập
CII	66.2	Quá nóng	Mạnh
HHV	59.9	Mạnh	Trung lập
VCG	68.6	Quá nóng	Mạnh
PC1	51.6	Trung lập	Trung lập
FCN	54.4	Trung lập	Trung lập
VGC	57.5	Trung lập	Mạnh
DPG	73.6	Quá nóng	Mạnh
CTD	69.2	Quá nóng	Mạnh
CTR	40.2	Trung lập	Yếu
HT1	73.0	Quá nóng	Mạnh
CTI	63.2	Mạnh	Trung lập
BMP	38.4	Trung lập	Trung lập

HÀNG & DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP VÀ HÀNG CÁ NHÂN & GIA DỤNG (17)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
GEX	57.9	Mạnh	Trung lập
VSC	72.1	Quá nóng	Mạnh
PVT	50.3	Trung lập	Mạnh
GMD	68.6	Mạnh	Mạnh
HAH	58.7	Trung lập	Mạnh
GEE	58.8	Mạnh	Mạnh
VOS	53.2	Trung lập	Mạnh
APH	55.5	Trung lập	Mạnh
VTP	50.4	Trung lập	Trung lập
SBG	59.4	Trung lập	Mạnh
REE	50.3	Trung lập	Trung lập
PAC	56.8	Mạnh	Trung lập
TV2	55.4	Trung lập	Trung lập
TCM	53.1	Trung lập	Trung lập
TLG	57.9	Trung lập	Mạnh
PNJ	25.1	Yếu	Yếu
MSH	81.0	Quá nóng	Mạnh

DẦU KHÍ & ĐIỆN NƯỚC VÀ TIỆN ÍCH (8)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
PVD	57.5	Mạnh	Trung lập
BSR	47.0	Yếu	Trung lập
PLX	47.2	Trung lập	Trung lập
POW	48.2	Trung lập	Trung lập
NT2	71.8	Mạnh	Mạnh
GAS	45.0	Trung lập	Yếu
GEG	57.8	Trung lập	Trung lập
PPC	52.8	Trung lập	Trung lập

TRUYỀN THÔNG VÀ Y TẾ (5)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
YEG	50.4	Trung lập	Trung lập
DCL	55.7	Trung lập	Mạnh
DBD	48.7	Trung lập	Trung lập
TNH	65.7	Quá nóng	Mạnh
JVC	51.3	Mạnh	Trung lập

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ BÁN LẺ (8)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	31.4	Yếu	Yếu
SAM	38.4	Trung lập	Trung lập
ELC	36.8	Yếu	Yếu
CMG	34.5	Trung lập	Yếu
MWG	55.9	Trung lập	Trung lập
DGW	53.3	Trung lập	Mạnh
PET	73.4	Quá nóng	Mạnh
FRT	59.9	Trung lập	Mạnh

THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (8)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
MSN	62.4	Mạnh	Mạnh
VNM	42.1	Trung lập	Yếu
DBC	64.4	Mạnh	Trung lập
BAF	55.0	Trung lập	Trung lập
SAB	47.8	Trung lập	Trung lập
ANV	63.8	Quá nóng	Mạnh
VHC	57.3	Trung lập	Trung lập
MCH	52.0	Trung lập	Trung lập

DU LỊCH & GIẢI TRÍ VÀ Ô TÔ PHỤ TÙNG (7)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
VPL	64.9	Mạnh	Mạnh
VJC	53.8	Trung lập	Trung lập
HVN	53.2	Trung lập	Trung lập
SCS	36.6	Yếu	Yếu
VNG	39.6	Yếu	Yếu
HAX	50.9	Trung lập	Trung lập
DRC	38.3	Trung lập	Yếu

RSI: chỉ số sức mạnh tương đối. Ngắn hạn: so với đường trung bình 20 phiên; Trung hạn: so với đường 50 phiên. Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

Danh sách theo dõi

DANH SÁCH THEO DÕI TIỀM NĂNG

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	TCH	12.0	NA	NA	NA	Doanh nghiệp bất động sản ít vay nợ, phù hợp trong bối cảnh lãi suất tăng cao. Nền giá đang có xu hướng tạo đáy và tích lũy gần vùng MA 50
2	HPG	20.9	NA	NA	NA	Hòa Phát công bố lũy kế 9T/2026 bán 10.3 triệu tấn thép (gồm thép cuộn cán nóng, thép xây dựng, thép cuộn chất lượng cao và phôi thép), tăng 39% YoY.
3	IDC	36.0	NA	NA	NA	Số liệu FDI tăng trưởng mạnh mẽ, nhóm BDS KCN nhìn chung vẫn chưa tăng trong thời gian qua. Về kỹ thuật, cổ phiếu đã vượt hoàn toàn MA 50 với thanh khoản cải thiện đáng kể

NA: chưa có số liệu. Nguồn: FiinPro, Shinhan Securities Vietnam.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU RỦI RO CAO NÊN TRÁNH

STT	Ngành	Cổ phiếu	Ghi chú
1	Bất động sản	NVL	Nhịp giảm sàn mạnh của NVL ngay trước phiên chốt quyền mua. Cùng với động thái bán ra liên tục của ban lãnh đạo và công đoàn của công ty. Nhóm bất động sản nhìn chung đang gặp tác động tiêu cực từ lãi suất tăng cao
2	Hàng cá nhân & gia dụng	PNJ	PNJ đang có cú shock về cả KQKD và niềm tin của thị trường. Cổ phiếu giảm sàn liên tục và việc tham gia là rất rủi ro.

Nguồn: FiinPro, Shinhan Securities Vietnam.

Mạng lưới Shinhan Investment

MẠNG LƯỚI SHINHAN INVESTMENT

SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongsongpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem
Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To
Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Copy @ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Analyst: Nam Hoang, CFA · Research Labs · Shinhan Securities Vietnam · (84-28) 6288-7000 – Ext: 7603

Báo cáo này được thực hiện bởi Phòng Phân tích — Công ty Chứng khoán Shinhan Việt Nam, được cấp phép bởi UBCKNN Việt Nam.

Thông tin chỉ mang tính tham khảo, không phải khuyến nghị mua/bán. Quyết định đầu tư cuối cùng thuộc về nhà đầu tư.